



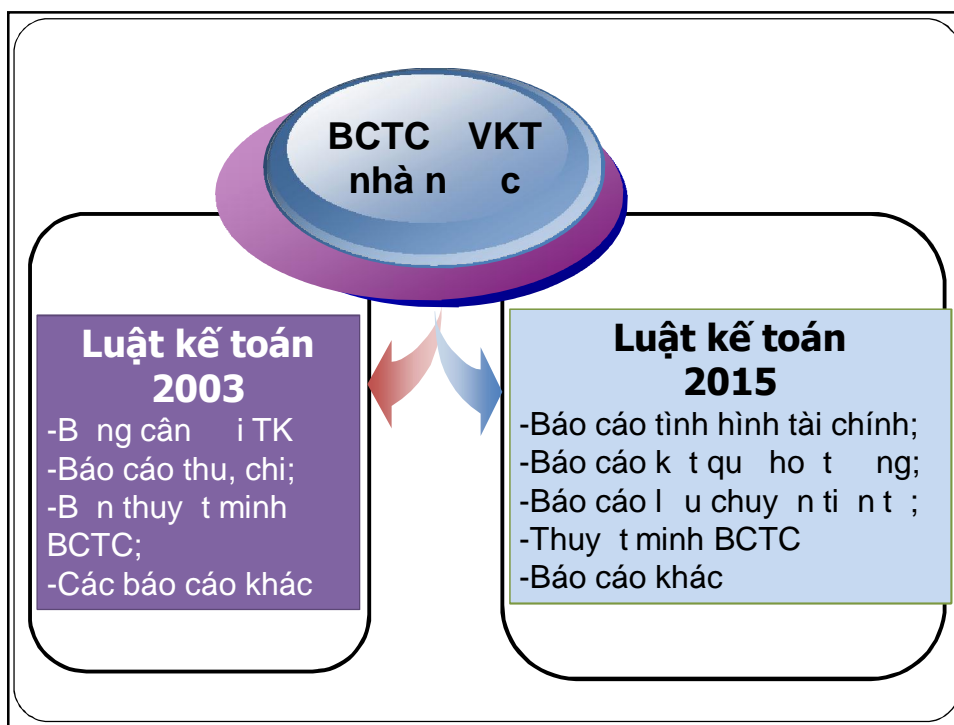
HƯỚNG DẪN LẬP VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO NĂM

Ng i trình bày:
Ths Tr n Th Thu H ng
Phó tr ng phòng,
C c QLGS K toán, Ki m toán

M ts v n b n h ng d n

- **Thông t 107/2017/TT-BTC** v h ng d n C KT hành chính, s nghi p
- **Thông t 99/2018/TT-BTC** H ng d n l p báo cáo tài chính t ng h p n v k toán nhà n c là n v k toán c p trên
- **Thông t 137/2017/TT-BTC** quy nh xét duy t, th m nh, thông báo và t ng h p quy t toán n m
- VB khác

LẬP BÁO CÁO ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CƠ SỞ



Đơn vị kế toán cơ sở:

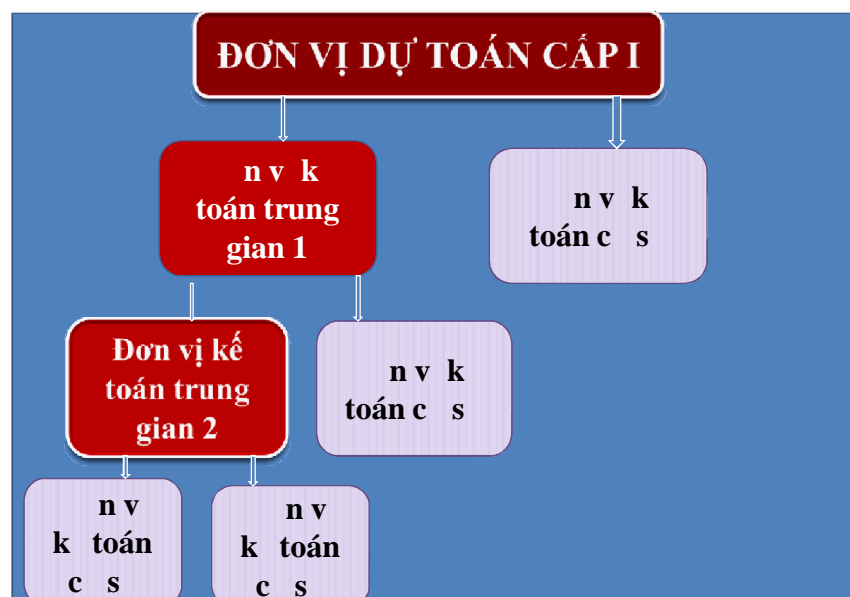
+ Là các n v k toán cấp dưới trực thuộc n v k toán cấp 1 hoặc trực thuộc n v k toán trung gian

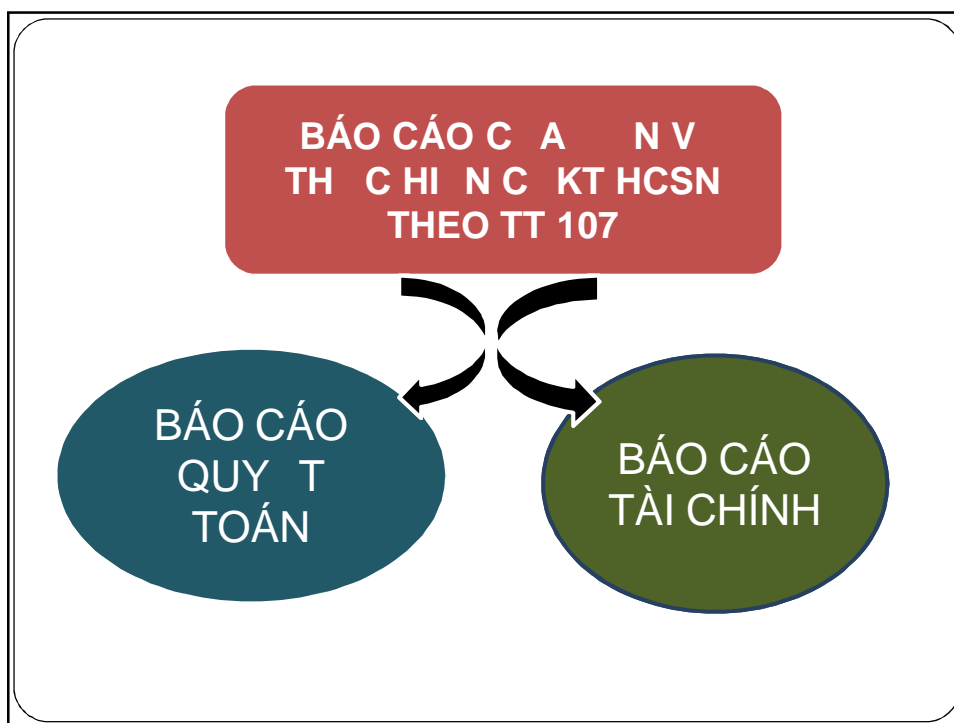
+ Có t ch c b máy k toán, h ch toán k toán cấp

+ Và ph i l p báo cáo tài chính riêng theo quy nh c a ch k toán n v ang áp d ng.

Đơn vị kế toán cơ sở có thể là ĐV sử dụng NSNN

Mô hình đơn vị tổng hợp BCTC- TT 99





1. Danh mục BCQT kinh phí hoạt động

STT	Ký hiệu biểu	TÊN BIỂU BÁO CÁO	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCQT	Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động	Năm
2	F01-01/BCQT	Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại	Năm
3	F01-02/BCQT	Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án	Năm
4	B02/BCQT	Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính	Năm
5	B03/BCQT	Thuyết minh báo cáo quyết toán	Năm

BÁO CÁO QT KPH NSNN

Số quyết toán bao gồm kinh phí đơn vị đã nhận và sử dụng từ nguồn NSNN cấp trong năm, bao gồm cả thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN

Số liệu quyết toán NSNN của đơn vị phải được đối chiếu, có xác nhận KBNN nơi giao dịch.

Số quyết toán chi NSNN là số đã thực chi, c l y
t TKNB

BÁO CÁO QUY T TOÁN

❖ Kỳ báo cáo:

- Báo cáo QT I p theo k k toán n m.
- Tr ng h p pháp lu t có quy nh I p thêm BCQT theo k khác -> I p c theo k ó.
- Th i h n n p Báo cáo quy t toán n m c a n v HCSN th c hi n theo h ng d n c a c quan quy t toán.

❖ BCQT ngu n NS P h tr (n u có)

=> Đơn vị có thể có nhiều BCQT

BÁO CÁO QUY T TOÁN KINH PHÍ HO T NG (B01/BCQT)

STT	CH TIÊU
A	B
	A. NGÂN SÁCH NHÀ N C
I	NGU N NGÂN SÁCH TRONG N C
II	NGU N V N VI N TR
III	NGU N VAY N N C NGOÀI
	B. NGU N PHÍ C KH U TR L I
	C. NGU N HO T NG KHÁC C L I

2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB

Trên cơ sở báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB thì thực hiện theo chế độ báo cáo hàng năm theo Thông tư 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định về quy trình toán tình hình sử dụng vốn đầu tư ngân sách NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm.

Báo cáo tài chính

Danh mục báo cáo tài chính theo TT 107

STT	Ký hiệu biểu	TÊN BIỂU BÁO CÁO	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCTC	Báo cáo tình hình tài chính	Năm
2	B02/BCTC	Báo cáo kết quả hoạt động	Năm
3	B03/BCTC	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo pp trực tiếp <i>hoặc</i> theo pp gián tiếp)	Năm
4	B04/BCTC	Thuyết minh báo cáo tài chính	Năm

BCTC đơn vị kế toán cơ sở

Thông t
107/2017/TT-BTC

Thông t
99/2018/TT-BTC

- ✓ Báo cáo tình hình tài chính
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Thuyết minh BCTC

- ✓ Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

Mục ích của BCTC

Cung cấp thông tin về tình hình TC, KQH tài chính và luồng tiền từ hoạt động của đơn vị

Nâng cao trách nhiệm giải trình của đơn vị

Là thông tin cơ sở để tổng hợp BCTC của đơn vị cấp trên.

Đơn vị kế toán chỉ lập 01 BCTC

Thời hạn nộp báo cáo tài chính

BCTC năm của đơn vị HCSN phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị cấp trên *trong thời hạn 90 ngày*, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật.

Báo cáo tình hình tài chính

- Là BCTC tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của ĐV kế toán tại thời điểm 31/12 hàng năm
- Số liệu trên BCTHTC cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của đơn vị theo cơ cấu của tài sản và cơ cấu nguồn vốn hình thành tài sản.
- Giúp nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của đơn vị.

Báo cáo kết quả hoạt động

Báo cáo kết quả hoạt động phản ánh tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị, bao gồm kết quả hoạt động từ tất cả các nguồn lực tài chính hiện có của đơn vị theo quy chế tài chính quy định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Báo cáo LCTT xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo, nhằm cung cấp thông tin về những thay đổi của tiền tại đơn vị.

Thuyết minh báo cáo tài chính

- Là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của BCTC
- Thuyết minh cung cấp các diễn giải hoặc phân tích chi tiết các khoản mục được trình bày trong các báo cáo trên và thông tin về các khoản mục không đáp ứng tiêu chí được trình bày trong các báo cáo trên.

Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

Là báo cáo cung cấp thêm các thông tin tài chính ngoài BCTC hoặc BCTC tổng hợp đã lập theo quy định

phục vụ cho quá trình lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên

BC BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH - ĐVKT CƠ SỞ

- Báo cáo gồm có 2 phần:

✓A. Phân tích số liệu để loại trừ => Phục vụ cho tổng hợp BCTC

Căn cứ mô hình tổng hợp BCTC của ĐV DT cấp I -> ĐVKT cơ sở lập BC BSTT (phần A) (K2, Đ13- TT 99 quy định ĐV DT cấp I phải thông báo)

✓B. Bổ sung thông tin TM tài chính

Mục đích cung cấp số liệu cho TM BCTC nhà nước

MẪU BÁO CÁO BSTTTC (PL 03-TT99)

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài n v d toán c p 1 (khác t nh, khác B , ngành) ó trong l nh v c k toán nhà n c	Ngoài khu v c nhà n c
	1	2	3	4	5	6	7

Yêu c u c a Báo cáo b sung thông tin tài chính

- Ph i c l p t n v k toán c s trên c s s li u ã h ch toán y , úng quy nh
- Ph i xem xét quan h thanh toán v i các n v có liên quan chính xác, úng i t ng: Ph thu c mô hình tổng hợp BCTC của ĐV DT cấp I

Giao dịch nội bộ

Là giao dịch giữa các đơn vị kế toán thực hiện CĐKT HCSN:

* Giao dịch giữa đơn vị kế toán cấp trên và đơn vị kế toán cấp dưới

* Giao dịch giữa các ĐVKT cấp dưới với nhau trong cùng phạm vi ĐV lập BCTC tổng hợp

Giao dịch nội bộ phải BC (BC tình hình TC)

- (1) **Khoản đầu tư tài chính vào đơn vị khác**
- (2) **Số dư các khoản phải thu**
 - Phải thu khách hàng
 - Trả trước cho người bán
 - Các khoản phải thu khác
- (3) **Số dư các khoản nợ phải trả**
 - Phải trả nhà cung cấp
 - Các khoản nhận trước của khách hàng
 - Nợ phải trả khác
- (4) **Số dư nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác**

Giao dịch nội bộ phải BC (BC kết quả HĐ)

Doanh thu

- T ngu n vi n tr , vay n n c ngoài
- T ngu n phí c kh u tr , l i
- T ho t ng SXKD, DV
- Thu nh p khác

Chi phí

- CP ho t ng
- CP t ngu n vi n tr , vay n n c ngoài
- CP ho t ng thu phí
- CP khác

Giao dịch nội bộ phải BC (BC LC tài trợ)

1

- Khấu hao TSCĐ

2

- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

3

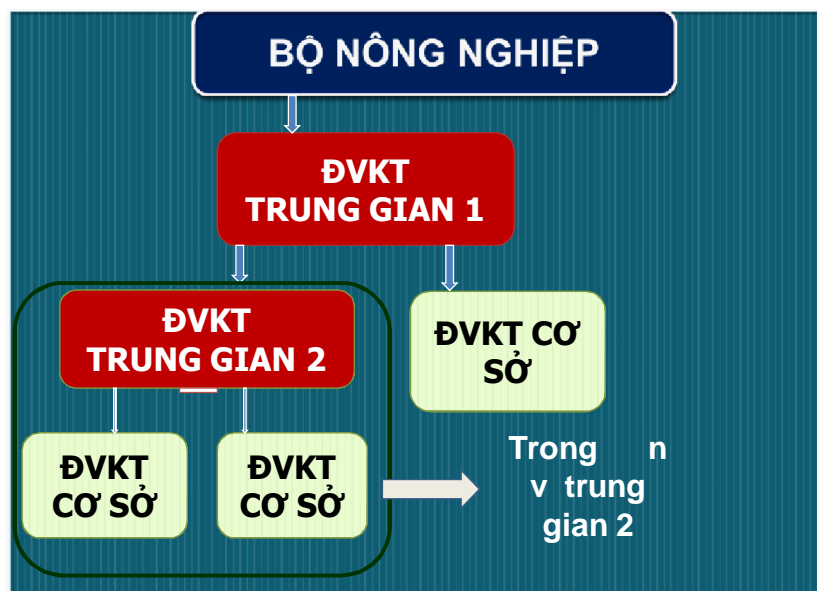
- Tiền nhận vốn góp

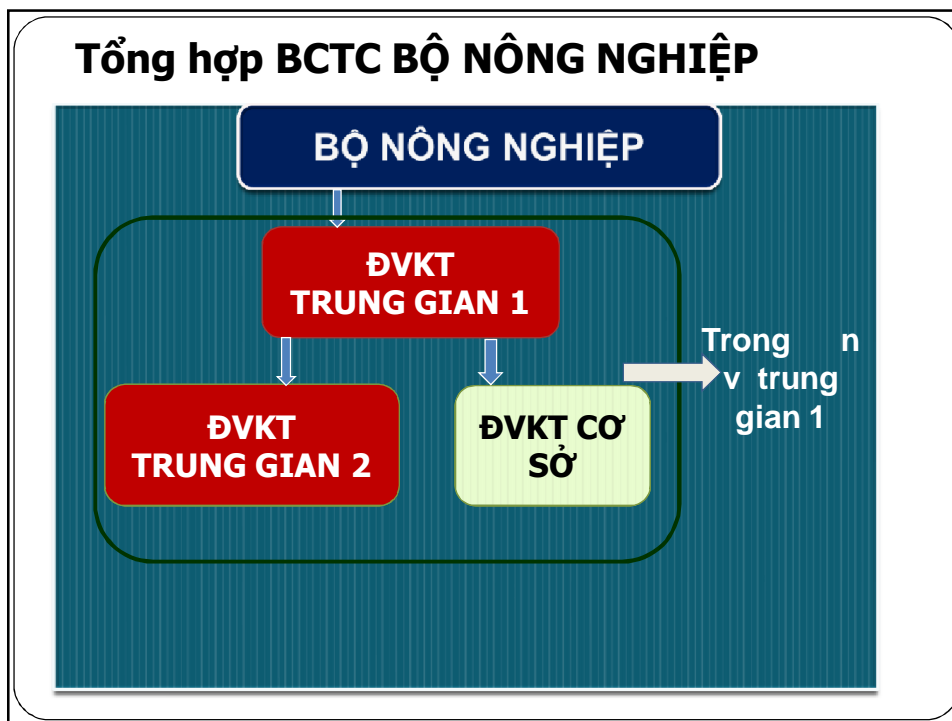
M U BÁO CÁO BSTTTC (PL 03)

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài n v d toán c p 1 (khác t nh, khác B , ngành) ó trong l nh v c k toán nhà n c	Ngoài khu v c nhà n c
	1	2	3	4	5	6	7

➢ Việc lập Báo cáo BSTTTC của ĐVKT cơ sở phụ thuộc vào mô hình tổng hợp BCTC của ĐVDĐT cấp I

Tổng hợp BCTC BỘ NÔNG NGHIỆP





VD: PHÂN TÍCH SỐ DƯ KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG I

Số dư TK phải trả của đơn vị 31/12		1.000
<i>Trong đó:</i>		
1	Phải trả VP Cục Kiểm lâm	500
2	Phải trả Tổng cục Lâm nghiệp	100
3	Phải trả chi cục thú y vùng V	80
4	Phải trả KBNN huyện nơi giao dịch	50
5	Phải trả trường ĐH X (thuộc tỉnh)	150
6	Phải trả đơn vị doanh nghiệp	120

BÁO CÁO BSTT TÀI CHÍNH- CCKL vùng I

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoà i n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài VDT c p 1 (≠ t nh, B), trong l nh v c KTNN	Ngoài khu v c nhà n c
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư khoản phải trả	1.000	500	100	80		150+50	120

VD: PHÂN TÍCH SỐ DƯ KHOẢN PHẢI THU CỦA VP TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Số dư TK phải thu của đơn vị 31/12	2.700
<i>Trong đó:</i>	
1 Phải thu của Chi cục KL vùng I	100
2 Phải thu của Cục thú y	300
3 Phải thu của VP Bộ Nông nghiệp	700
4 Phải thu trường đại học X (thuộc Bộ GD)	150
5 Phải thu Sở Tài chính Hà Nội	250
6 Phải thu đơn vị doanh nghiệp	1.200

BÁO CÁO BSTT TÀI CHÍNH- VP TCLN

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Tron g n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài VDT c p 1 (= t nh, B), trong l nh v c KTNN	Ngoài khu v c nhà n c
A	1	2	3	4	5	6	7
s dư kho n ph i thu	3.000		100	300+700 =1.000		150+250 =400	1200

VD: PHÂN TÍCH SỐ DƯ KHOẢN PHẢI THU CỦA VP BỘ NÔNG NGHIỆP

Số dư TK phải thu của đơn vị 31/12		2.700
<i>Trong đó:</i>		
1	Phải thu của Chi cục KL vùng I	100
2	Phải thu của Cục thú y	300
3	Phải thu của Tổng cục Lâm nghiệp	700
4	Phải thu trường đại học X (thuộc Bộ GD)	150
5	Phải thu Sở Tài chính Hà Nội	250
6	Phải thu đơn vị doanh nghiệp	1.200

BÁO CÁO BSTT TÀI CHÍNH- VP BỘ NN							
Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài VDT c p 1 (# t nh, B), trong l nh v c KTNN	Ngoài khu v c nhà n c
A	1	2	3	4	5	6	7
S dư kho n ph i thu	2.700			100+300 +700 =1.100		150+250 =400	1200

**T NG H P BÁO CÁO
V K TOÁN C P TRÊN**

1. T ng h p BCQT n m

➤ n v d toán c p trên t ng h p và l p BCQT n m c a n v mình và c a các n v d toán c p đ i tr c thu c ã c xét duy t theo quy nh t i Thông t 137/2017/TT-BTC quy nh xét duy t, th m nh, thông báo và t ng h p quy t toán n m => g i n v d toán c p trên tr c t i p

➤ M u BCQT n m c a n v d toán c p trên theo quy nh TT s 107/2017/TT-BTC

2. BCTC tổng hợp

BCTC tổng hợp là báo cáo nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, các luồng tiền từ hoạt động và các thông tin thuyết minh BCTC của đơn vị cấp trên ***như của một đơn vị kế toán độc lập.***

BCTC tổng hợp

- ❖ BCTC tổng hợp do đơn vị kế toán cấp trên lập, công bố và công bố BCTC riêng của mình (vì vai trò là đơn vị kế toán cấp trên) và các đơn vị cấp dưới trực thuộc.
- ❖ BCTC riêng là báo cáo tài chính do đơn vị kế toán cơ sở lập theo quy định của chế độ kế toán mà đơn vị đang áp dụng

Mục đích BCTC tổng hợp

- ✓ Cung cấp thông tin KTTC để xem xét, đánh giá THTC, KQHĐ, khả năng tạo tiền của ĐVKT cấp trên trong kỳ kế toán, làm cơ sở đưa ra QĐ về quản lý, điều hành của các cấp lãnh đạo và những người có liên quan,
- ✓ Nâng cao trách nhiệm giải trình của ĐVKT cấp trên về tiếp nhận, SD các nguồn lực của nhà nước theo quy định của pháp luật.
- ✓ Cung cấp thông tin để lập BCTC nhà nước

Kỳ lập BCTC tổng hợp

“ Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên được lập theo kỳ kế toán năm.
“ Trường hợp pháp luật có quy định theo kỳ hạn lập khác thì ngoài báo cáo theo kỳ hạn năm, đơn vị còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp theo kỳ hạn đó.

Thời hạn nộp BCTC tổng hợp

Đơn vị dự toán cấp 1 quy định thời hạn nộp BCTC, BCTC tổng hợp, báo cáo bổ sung thông tin tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới để đảm bảo thời gian tổng hợp và nộp báo cáo cho cơ quan tài chính và KBNN đồng cấp theo quy định.

Danh mục BCTC tổng hợp

- 1 Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp
- 2 Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp
- 3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp
- 4 Thuyết minh BCTC tổng hợp
- 5 **Báo cáo bổ sung thông tin tài chính (tổng hợp)**

Mẫu biểu BCTC tổng hợp

➤ BCTC tổng hợp

- ✓ XD trên cơ sở mẫu biểu BCTC của ĐV KT cơ sở quy định tại TT 107
- ✓ Bổ sung thêm chỉ tiêu để tổng hợp

➤ BC BSTT TC (tổng hợp)

- ✓ Mẫu biểu báo cáo mới bổ sung thông tin cho quá trình tổng hợp BCTC
- ✓ Chỉ tiêu cần tổng hợp giống nhau giữa các cấp đơn vị

Các cấp đơn vị trung gian lập BCTC TH

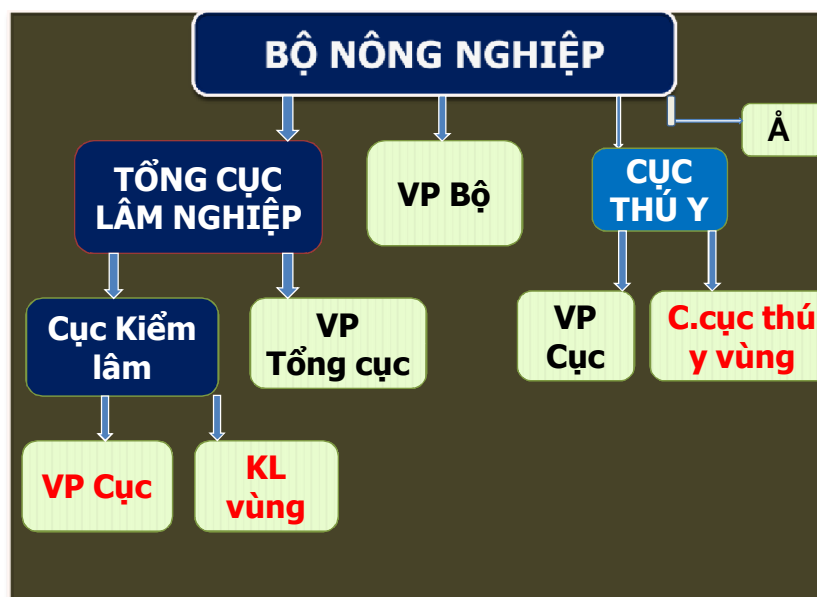
V k toán trung gian 1

- Là ĐVKT cấp trên, trực thuộc trực tiếp ĐVDT cấp 1
- Trong ĐVKT TG 1 có thể bao gồm các ĐVKT TG 2 và ĐVKT cơ sở cấp dưới trực thuộc trực tiếp.

V k toán trung gian 2

- Là ĐVKT cấp trên, trực thuộc trực tiếp ĐVKT TG 1
- Trong ĐVKT TG 2 bao gồm các ĐVKT cơ sở cấp dưới trực tiếp.

L p BCTC TH- B Nông nghi p



Trách nhiệm của ĐVKT trung gian

Tiếp nhận báo cáo từ các đơn vị kế toán trực thuộc- kiểm soát báo cáo đã nhận

Lập BCTC tổng hợp và BCBSTT tài chính. Đối chiếu số liệu báo cáo đã lập đảm bảo chính xác, khớp đúng

Gửi báo cáo cho đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp

Nguyên tắc lập BCTC tổng hợp

- ✓ BCTC tổng hợp được lập sau khi kết thúc kỳ kế toán năm (31/12).
- ✓ Báo cáo của các đơn vị kế toán cấp dưới được SD làm căn cứ lập BCTC tổng hợp phải được lập cho cùng một kỳ báo cáo với BCTC tổng hợp, trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán khác ngày 31/12 thì đơn vị kế toán cấp dưới phải lập và gửi các báo cáo cho mục đích tổng hợp báo cáo theo quy định.

Nguyên tắc lập BCTC tổng hợp

BCTC tổng hợp của VKT cấp trên phải được tổng hợp đầy đủ, bao gồm thông tin tài chính của tất cả VKT cấp dưới trực thuộc theo quy định; trong đó các chỉ tiêu tài sản, nợ phải trả, tài sản thuần, doanh thu, chi phí và các luồng tiền của VKT cấp trên được trình bày trên các biểu mẫu báo cáo tương ứng **giống như là các báo cáo của một VKT độc lập.**

Nguyên tắc lập BCTC tổng hợp

Sau khi tổng hợp số liệu, nhân viên kế toán cấp trên phải thực hiện loại trừ các giao dịch nội bộ và tính toán các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp.

Giao dịch nội bộ *được loại trừ* khi lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Loại trừ số dư tại ngày lập BCTC (giữa các đơn vị trong nội bộ đơn vị lập báo cáo):

Khoản phải thu nội bộ:

- + Phải thu khách hàng
- + Trả trước cho người bán
- + Phải thu khác

Khoản nợ phải trả nội bộ:

- + Phải trả nhà cung cấp
- + Khoản nhận trước của KH
- + Nợ phải trả khác

Các khoản đầu tư tài chính và khoản nhận đầu tư

Giao dịch nội bộ *được loại trừ* khi lập Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

Loại trừ số dư tại ngày lập BCTC (giữa các đơn vị trong nội bộ đơn vị lập báo cáo):

Loại trừ giao dịch bán hàng nội bộ trong năm.

Loại trừ giao dịch điều chuyển doanh thu trong nội bộ mà cả đơn vị điều chuyển và đơn vị nhận điều chuyển đều phản ánh doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động

Các giao dịch nội bộ được loại trừ

Riêng hoạt động mua bán hàng hóa và tài sản trong nội bộ thực hiện loại trừ cả chỉ tiêu doanh thu và chi phí **cho toàn bộ giá trị giao dịch đã thực hiện.**

Giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Loại trừ các dòng tiền lưu chuyển trong phạm vi nội bộ đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp.

QUY TRÌNH TỔNG HỢP BCTC

(1) Lập Bảng tổng hợp số liệu bổ sung thông tin tài chính (Mẫu S01/BTH) PL02:

- **Mục đích:** Bảng tổng hợp số liệu BSTT TC do đơn vị kế toán cấp trên lập để hợp cộng các số liệu BSTT TC từ các đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi lập BCTC tổng hợp, nhằm phục vụ cho quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp.
- **Gồm 2 phần:**
 - Hợp cộng số liệu giao dịch nội bộ
 - Hợp cộng số liệu BSTT thuyết minh

Các bước thực hiện

- Bước 1: Hợp cộng số liệu từ BC BSTT tài chính của đơn vị cấp dưới
- Bước 2: Đối chiếu số liệu:
 - ✓ Đơn vị tổng hợp báo cáo phải thực hiện đối chiếu số liệu
 - ✓ Trường hợp có phát sinh chênh lệch phải tìm nguyên nhân và tra soát các đơn vị có liên quan để điều chỉnh đảm bảo số liệu phù hợp giữa các đơn vị.

Đối chiếu số liệu

- **Việc đối chiếu được thực hiện theo từng cấp đơn vị lập BCTC tổng hợp:**
 - ❖ **Đơn vị kế toán trung gian 2:** đối chiếu số liệu tại Cột 2 "Trong đơn vị kế toán trung gian 2".
 - ❖ **Đơn vị kế toán trung gian 1:** đối chiếu số liệu tại Cột 3 "Trong đơn vị kế toán trung gian 1".
 - ❖ **Đơn vị dự toán cấp 1:** đối chiếu số liệu tại Cột 4 "trong đơn vị dự toán cấp 1".

Chỉ số liên

Kho n u t
tài chính vào
n v khác



Ngu n v n u
t nh n t n
v khác

Các kho n ph i
thu



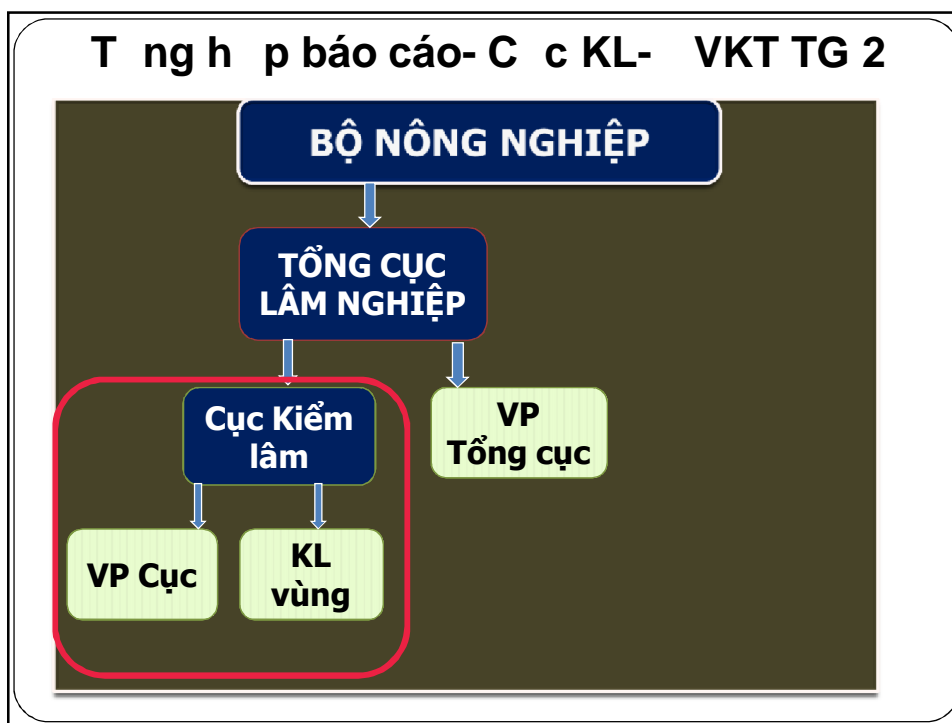
N ph i tr

Chỉ số lưu



Ví dụ: Tổng hợp BC bổ sung thông tin tài chính- Cục Kiểm lâm - ĐVKT trung gian 2

Tình hình báo cáo- Các KL- VKT TG 2



VD: PHÂN TÍCH SỐ DƯ KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG I

Số dư TK phải trả của đơn vị 31/12	1.000
<i>Trong đó:</i>	
1 Phải trả VP Cục Kiểm lâm	500
2 Phải trả Tổng cục Lâm nghiệp	100
3 Phải trả chi cục thú y vùng V	80
4 Phải trả KBNN huyện nơi giao dịch	50
5 Phải trả trường ĐH X (thuộc tỉnh)	150
6 Phải trả đơn vị doanh nghiệp	120

VD: PHÂN TÍCH SỐ DƯ KHOẢN PHẢI THU CỦA VP CỤC KIỂM LÂM

Số dư TK phải thu của đơn vị 31/12		3.000
<i>Trong đó:</i>		
1	Phải thu của Chi cục KL vùng I	500
2	Phải thu của Tổng cục Lâm nghiệp	300
3	Phải thu của VP Bộ Nông nghiệp	700
4	Phải thu trường đại học X (thuộc Bộ GD)	150
5	Phải thu Sở Tài chính Hà Nội	250
6	Phải thu đơn vị doanh nghiệp	1.100

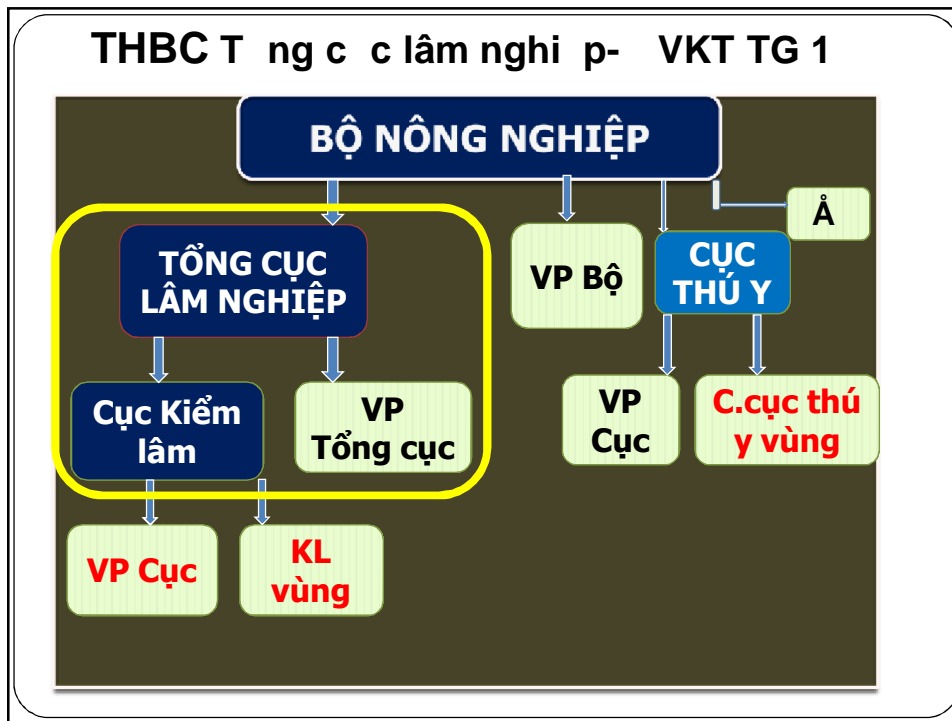
BẢNG NHẬT KÝ PHÂN TÍCH LIÊN BẢNG TÀI CHÍNH - Cục Kiểm lâm

Ch tiêu	Tổng số	Quan hệ giao dịch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1 - trong cùng t nh	Ngoài VDT c p 1 (# t nh, B), trong l nh v c KTNN	Ngoài khu v c nhà n c
A	1	2	3	4	5	6	7
S dư kho n ph i thu	3.000	500	300	700		150+250 =400	1100
Số dư khoản phải trả	1.000	500	100	80		150+50	120

BC BSTT TÀI CHÍNH (t ng h p)- Cục Kiểm lâm

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài VDT c p 1 (# t nh, B), trong l nh v c KTNN	Ngoài khu v c nhà n c
A	1	2	3	4	5	6	7
S dư kho n ph i thu	2.500	0	300	700		150+250 =400	1100
Số dư khoản phải trả	500	0	100	80		150+50	120

THBC T ng c c lâm nghi p- VKT TG 1



BÁO CÁO BSTT TÀI CHÍNH tổng hợp- Tổng cục Lâm nghiệp- ĐVTG I

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					Ngoài khu vực nhà n c
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài n v d toán c p 1 (khác t nh, khác B , ngành) ó trong l nh v c k toán nhà n c	
	1	2	3	4	5	6	7

BÁO CÁO BSTT TÀI CHÍNH tổng hợp- Bộ Nông nghiệp- ĐVDT cấp I

Ch tiêu	T ng s	Quan h giao d ch					Ngoài khu vực nhà n c
		Trong n v k toán trung gian 2	Trong n v k toán trung gian 1	Trong n v d toán c p 1	Ngoài n v d toán c p 1- trong cùng t nh	Ngoài n v d toán c p 1 (khác t nh, khác B , ngành) ó trong l nh v c k toán nhà n c	
	1	2	3	4	5	6	7

Lưu ý bổ sung thông tin thuyết minh

STT	Chỉ tiêu
1	Thuyết minh tài sản khác
1.1	Tài sản ngắn hạn khác
1.2	Tài sản dài hạn khác
2	Thuyết minh nợ phải trả khác
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn khác
2.2	Nợ phải trả dài hạn khác
	→ Do đơn vị cấp trên thực hiện
	→ Các thông tin còn lại hợp cộng từ ĐV cấp dưới

QUY TRÌNH TỔNG HỢP SỐ LIỆU

(2) Lập Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính (Mẫu S02/BTH) PL02:

- **Mục đích**

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu BCTC do đơn vị kế toán cấp trên lập nhằm tính toán số liệu các chỉ tiêu chi tiết trình bày trên BCTC tổng hợp phục vụ cho quá trình lập BCTC tổng hợp.

- **Gồm 4 phần:** Tương ứng với chỉ tiêu của 4 BCTC

Mẫu bảng tổng hợp các chỉ tiêu BCTC

Tên chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất	Số liệu giao dịch nội bộ phi lợi nhuận	Số liệu sau loại trừ
A	1	2	3=1-2
A. Chỉ tiêu thu của BC THTC tổng hợp			
B. Chỉ tiêu thu của BC KQH tổng hợp			
C. Chỉ tiêu thu của BC LCTT tổng hợp			
D. Chỉ tiêu thu của BC TMTC tổng hợp			

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu BCTC- Cục Kiểm lâm

Tên chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất	Số liệu giao dịch nội bộ phi lợi nhuận	Số liệu sau loại trừ
A	1	2	3=1-2
A. Chỉ tiêu thu của BC THTC tổng hợp			
Số dư khoản phi lợi nhuận	3.000	500	2.500
Số dư khoản phi thu	1.000	500	500

Lưu ý: n v k toán c s áp dụng
C KT khác ã l p BCTC

ĐV kế toán cơ sở áp dụng CĐKT khác đã có 4 BCTC (C KT DN, A):

- Lập BCTC
 - Không phải lập BC B sung thông tin tài chính
- => Số liệu BCTC c a n v áp d ng TT 107 (1) và áp d ng C KT khác ã có 4 BCTC (2) c t ng h p theo hướng dẫn TT 99/2018/TT-BTC

Lưu ý: ĐV kế toán cơ sở chưa áp dụng CĐKT HCSN (chưa có 4 BCTC):

- **Vẫn áp dụng QĐ 19**
 - CĐKT Ch ết , CĐKT đặc thù,...
- => Ch a có BCTC theo quy nh
=> BCQT làm theo m u c
- ✓ B Nông nghi p là VDT c p l ã có các V áp d ng TT 107
 - ✓ Thu c ho t động tri n khai l p BCTC nhà nước 2018

Phương pháp tổng hợp BCTC đơn vị đã lập BCTC theo CĐKT HCSN

Cộng ngang các chỉ tiêu BCTC của đơn vị trực thuộc

Sau đó loại trừ các giao dịch nội bộ: Căn cứ số liệu đã đối chiếu của chỉ tiêu tương ứng trên Bảng tổng hợp số liệu bổ sung thông tin tài chính

Phương pháp tổng hợp của đơn vị lập BCTC theo CĐKT khác

(1) BC tình hình tài chính: Trình bày 01 dòng chỉ tiêu **"TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác"**

- Được tính toán bằng tổng Tài sản trừ đi tổng Nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính của đơn vị thực hiện CĐKT khác thuộc phạm vi lập BCTC tổng hợp và hợp cộng các đơn vị

Phương pháp tổng hợp của đơn vị lập BCTC theo CĐKT khác

(2) **BC KQH** : Trình bày 01 dòng chi tiêu %Th ng d /thâm h t trong n m c a n v th c hi n C KT khác

“ H p c ng ch tiêu Th ng d /thâm h t trong n m (ho c ch tiêu l i nhu n sau thu) trên báo cáo k t qu ho t ng c a n v th c hi n C KT khác thu c ph m vi l p BCTC t ng h p.

BC lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

- ***Đổi với hoạt động chính***
- Lập theo phương pháp gián tiếp từ báo cáo THPTC tổng hợp và BCKQ hoạt động tổng hợp
- Được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho:
 - Các khoản mục không bằng tiền: khấu hao TSCĐ trong năm.
 - Tất cả các khoản mục khác ảnh hưởng đến luồng tiền như các thay đổi trong hàng tồn kho, các khoản phải thu và phải trả trong kỳ, các khoản thu, chi khác trong đơn vị.

BC lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

- **Đối với hoạt động đầu tư**
- **Hoạt động tài chính**

Số liệu được lấy từ Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính (hợp cộng)

Thuyết minh BCTC tổng hợp

- Mẫu thiết kế trên cơ sở mẫu của ĐVKT cơ sở áp dụng CĐKT HCSN
- Bổ sung:
 - Thuyết minh quỹ tài chính ngoài ngân sách
 - Thuyết minh đơn vị thực hiện CĐKT khác
 - Thông tin về sát nhập, giải thể,...
- ...

*Thank
you*



**Trần Thị Thu Hằng - Cục QLGSKT, KT
Sinh tố 0972757888
Email: tranthithuong1@mof.gov.vn**